

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mã QR
I. LĨNH VỰC BỒI THƯỜNG NHÀ NƯỚC				
1	2.002192	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại (cấp tỉnh)	Bồi thường nhà nước	
2	2.002191	Phục hồi danh dự (cấp tỉnh)	Bồi thường nhà nước	
II. LĨNH VỰC CÔNG CHỨNG				
3	1.013837	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động cho Văn phòng công chứng do bị mất, hỏng	Công chứng	
4	1.013848	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng nhận chuyển nhượng vốn góp	Công chứng	
5	1.013836	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng	Công chứng	
6	1.013818	Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng	Công chứng	
7	1.013806	Công nhận tương đương đối với người được đào tạo nghề công chứng ở nước ngoài	Công chứng	
8	1.013805	Miễn nhiệm công chứng viên (trường hợp được miễn nhiệm)	Công chứng	
9	1.013804	Bổ nhiệm lại công chứng viên	Công chứng	

10	1.013803	Bổ nhiệm công chứng viên	Công chứng	
11	1.013849	Chuyển đổi Văn phòng công chứng theo loại hình doanh nghiệp tư nhân thành Văn phòng công chứng theo loại hình công ty hợp danh	Công chứng	
12	1.013852	Bán Văn phòng công chứng theo loại hình doanh nghiệp tư nhân	Công chứng	
13	1.013842	Sáp nhập Văn phòng công chứng theo loại hình công ty hợp danh	Công chứng	
14	1.013839	Hợp nhất Văn phòng công chứng theo loại hình công ty hợp danh	Công chứng	
15	1.013856	Công nhận Điều lệ của Văn phòng công chứng được thành lập trước ngày 01/7/2025	Công chứng	
16	1.013808	Đăng ký tập sự lại hành nghề công chứng sau khi chấm dứt tập sự hành nghề công chứng	Công chứng	
17	1.013810	Thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng từ tổ chức hành nghề công chứng này sang tổ chức hành nghề công chứng khác trong cùng một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Công chứng	
18	1.013832	Thu hồi Thẻ công chứng viên	Công chứng	
19	1.013843	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng nhận sáp nhập	Công chứng	

20	1.013853	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng được bán	Công chứng	
21	1.013834	Thành lập Văn phòng công chứng	Công chứng	
22	1.013840	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng hợp nhất	Công chứng	
23	3.000444	Công nhận hoàn thành tập sự hành nghề công chứng	Công chứng	
24	1.013812	Thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng từ tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác	Công chứng	
25	1.013835	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng	Công chứng	
26	1.013846	Chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của toàn bộ thành viên hợp danh của Văn phòng công chứng	Công chứng	
27	1.013859	Cấp thẻ công chứng viên	Công chứng	
28	1.013807	Đăng ký tập sự hành nghề công chứng	Công chứng	
29	1.013830	Cấp lại Thẻ công chứng viên	Công chứng	

30	1.013816	Chấm dứt tập sự hành nghề công chứng	Công chứng	
III. LĨNH VỰC CHỨNG THỰC				
31	2.000908	Thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc	Chứng thực	
IV. LĨNH VỰC ĐẤU GIÁ TÀI SẢN				
32	1.000802	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề đấu giá	Đấu giá tài sản	
33	1.003915	Cấp Chứng chỉ hành nghề đấu giá	Đấu giá tài sản	
34	2.001225	Phê duyệt Trang thông tin đấu giá trực tuyến	Đấu giá tài sản	
35	2.002139	Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề đấu giá tài sản	Đấu giá tài sản	
V. LĨNH VỰC GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP				
36	1.009832	Cấp lại thẻ giám định viên tư pháp cấp tỉnh	Giám định tư pháp	
37	2.000555	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp trong trường hợp thay đổi tên gọi, địa chỉ trụ sở, người đại diện theo pháp luật, danh sách thành viên hợp danh của Văn phòng giám định tư pháp	Giám định tư pháp	
38	1.001117	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp trong trường hợp Giấy đăng ký hoạt động bị hư hỏng hoặc bị mất	Giám định tư pháp	

39	1.001122	Bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp cấp tỉnh	Giám định tư pháp	
40	2.000568	Thay đổi, bổ sung lĩnh vực giám định của Văn phòng giám định tư pháp	Giám định tư pháp	
41	1.001216	Chuyển đổi loại hình Văn phòng giám định tư pháp	Giám định tư pháp	
42	2.000823	Đăng ký hoạt động văn phòng giám định tư pháp	Giám định tư pháp	
43	2.000890	Cấp phép thành lập văn phòng giám định tư pháp	Giám định tư pháp	
44	2.000894	Miễn nhiệm giám định viên tư pháp cấp tỉnh	Giám định tư pháp	

VI. LĨNH VỰC HÒA GIẢI THƯƠNG MẠI

45	1.008907	Cấp Giấy phép thành lập Trung tâm hòa giải thương mại	Hòa giải thương mại	
46	1.008911	Cấp Giấy phép thành lập chi nhánh/văn phòng đại diện của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam	Hòa giải thương mại	
47	1.008913	Đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại sau khi được cấp Giấy phép thành lập	Hòa giải thương mại	

48	1.008909	Bổ sung hoạt động hòa giải thương mại cho Trung tâm trọng tài	Hòa giải thương mại	
49	1.008914	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại, chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại, Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam	Hòa giải thương mại	
50	1.008916	Thay đổi tên gọi, Trưởng chi nhánh, địa chỉ trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam; đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam khi thay đổi tên gọi, Trưởng chi nhánh	Hòa giải thương mại	
51	1.009284	Đăng ký làm hòa giải viên thương mại vụ việc	Hòa giải thương mại	
52	1.008910	Thay đổi tên gọi, địa chỉ trụ sở Trung tâm hòa giải thương mại sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác; đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại khi thay đổi địa chỉ trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác	Hòa giải thương mại	
53	2.001716	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại	Hòa giải thương mại	
54	1.008915	Đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam sau khi được cấp Giấy phép thành lập	Hòa giải thương mại	
55	1.008908	Cấp lại Giấy phép thành lập Trung tâm hòa giải thương mại, Giấy phép thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam	Hòa giải thương mại	
56	2.000515	Chấm dứt hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại trong trường hợp Trung tâm hòa giải thương mại tự chấm dứt hoạt động	Hòa giải thương mại	

57	1.009283	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện chấm dứt hoạt động theo quyết định của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài hoặc tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện tại Việt Nam chấm dứt hoạt động ở nước ngoài (cấp tỉnh)	Hòa giải thương mại	
----	----------	---	---------------------	---

VII. LĨNH VỰC HỘ TỊCH

58	2.002516	Thủ tục xác nhận thông tin hộ tịch	Hộ tịch	
59	2.000635	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh	Hộ tịch	
60	1.001669	Thủ tục đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	

VIII. LĨNH VỰC HỖ TRỢ PHÁP LÝ CHO DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA

61	1.005464	Đề nghị hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa	Hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa	
----	----------	---	--	---

IX. LĨNH VỰC LUẬT SƯ

62	1.002010	Đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư	Luật sư	
63	1.002368	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	Luật sư	
64	1.002384	Đăng ký hoạt động của chi nhánh của công ty luật nước ngoài tại Việt Nam	Luật sư	

65	1.002398	Đăng ký hoạt động của công ty luật Việt Nam chuyển đổi từ công ty luật nước ngoài	Luật sư	
66	1.002218	Hợp nhất công ty luật	Luật sư	
67	1.002198	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	Luật sư	
68	1.002079	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty luật hợp danh	Luật sư	
69	1.001928	Công nhận đào tạo nghề luật sư ở nước ngoài	Luật sư	
70	1.000828	Cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư đối với người đạt yêu cầu kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư	Luật sư	
71	1.008624	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư trong trường hợp bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư theo quy định tại Điều 18 của Luật Luật sư	Luật sư	
72	1.008628	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư trong trường hợp bị mất, bị rách, bị cháy hoặc vì lý do khác không cố ý	Luật sư	
73	1.008709	Chuyển đổi công ty luật trách nhiệm hữu hạn và công ty luật hợp danh, chuyển đổi văn phòng luật sư thành công ty luật	Luật sư	
74	1.002099	Đăng ký hoạt động của chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư	Luật sư	

75	1.002234	Sáp nhập công ty luật	Luật sư	
76	1.002032	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư	Luật sư	
77	1.002055	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của Văn phòng luật sư, công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên	Luật sư	
78	1.002181	Đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	Luật sư	
79	1.000688	Cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư đối với người được miễn đào tạo nghề luật sư, miễn tập sự hành nghề luật sư	Luật sư	
80	1.008614	Thu hồi chứng chỉ hành nghề luật sư	Luật sư	
81	1.002153	Đăng ký hành nghề luật sư với tư cách cá nhân	Luật sư	

X. LĨNH VỰC NUÔI CON NUÔI

82	1.003160	Giải quyết việc người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	Nuôi con nuôi	
83	1.003976	Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trẻ em sống ở cơ sở nuôi dưỡng	Nuôi con nuôi	

84	1.004878	Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trường hợp cha đẻ, mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng; cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi	Nuôi con nuôi	
85	1.003198	Cấp giấy xác nhận công dân Việt Nam ở trong nước đủ điều kiện nhận trẻ em nước ngoài làm con nuôi	Nuôi con nuôi	
86	1.003179	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài	Nuôi con nuôi	
XI. LĨNH VỰC QUẢN TÀI VIÊN				
87	1.014966	Cấp lại chứng chỉ hành nghề Quản tài viên trong trường hợp bị thu hồi chứng chỉ hành nghề	Quản tài viên	
88	1.014965	Thu hồi chứng chỉ hành nghề Quản tài viên trong trường hợp thôi hành nghề Quản tài viên theo nguyện vọng cá nhân	Quản tài viên	
89	1.002626	Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân	Quản tài viên	
90	2.001117	Cấp lại chứng chỉ hành nghề Quản tài viên trong trường hợp chứng chỉ bị mất hoặc bị hư hỏng không thể sử dụng được	Quản tài viên	
91	2.001130	Cấp Chứng chỉ hành nghề Quản tài viên đối với luật sư, kiểm toán viên, người có trình độ cử nhân luật, kinh tế, kế toán, tài chính, ngân hàng và có thời gian công tác trong lĩnh vực được đào tạo từ 05 năm trở lên	Quản tài viên	
92	1.002681	Cấp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên đối với người đề nghị là luật sư nước ngoài, kiểm toán viên là người nước ngoài	Quản tài viên	

93	1.001600	Thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của Quản tài viên	Quản tài viên	
XII. LĨNH VỰC QUỐC TỊCH				
94	1.005136	Cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam ở trong nước	Quốc tịch	
95	2.002036	Thôi quốc tịch Việt Nam ở trong nước	Quốc tịch	
96	2.002039	Nhập quốc tịch Việt Nam ở trong nước	Quốc tịch	
97	2.002038	Trở lại quốc tịch Việt Nam ở trong nước	Quốc tịch	
98	2.001895	Cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam	Quốc tịch	
XIII. LĨNH VỰC TƯ VẤN PHÁP LUẬT				
99	1.000404	Thu hồi thẻ tư vấn viên pháp luật	Tư vấn pháp luật	
100	1.000390	Cấp lại thẻ tư vấn viên pháp luật	Tư vấn pháp luật	
101	1.000627	Đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật	Tư vấn pháp luật	

102	1.000614	Đăng ký hoạt động cho chi nhánh của Trung tâm tư vấn pháp luật	Tư vấn pháp luật	
103	1.000588	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật, chi nhánh	Tư vấn pháp luật	
104	1.000426	Cấp thẻ tư vấn viên pháp luật	Tư vấn pháp luật	

XIV. LĨNH VỰC THỪA HÀNH VIÊN

105	1.008928	Cấp lại Thẻ Thừa hành viên	Thừa hành viên	
106	1.008927	Đăng ký hành nghề và cấp Thẻ Thừa hành viên	Thừa hành viên	
107	1.008926	Thay đổi nơi tập sự hành nghề Thừa hành viên	Thừa hành viên	
108	1.008925	Đăng ký tập sự hành nghề Thừa hành viên	Thừa hành viên	
109	1.008924	Bỏ nhiệm lại Thừa hành viên	Thừa hành viên	
110	1.008923	Miễn nhiệm Thừa hành viên	Thừa hành viên	

111	1.008922	Bổ nhiệm Thừa hành viên	Thừa hành viên	
112	1.008921	Công nhận tương đương đào tạo nghiệp vụ Thừa hành viên	Thừa hành viên	
XV. LĨNH VỰC TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI				
113	1.008890	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài; đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài khi thay đổi địa điểm đặt trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác	Trọng tài thương mại	
114	2.000822	Thành lập, đăng ký hoạt động Trung tâm trọng tài	Trọng tài thương mại	
115	1.008906	Đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam sau khi được cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp chuyển địa điểm trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác	Trọng tài thương mại	
116	1.008885	Chấm dứt hoạt động Trung tâm trọng tài theo Điều lệ của Trung tâm trọng tài	Trọng tài thương mại	
117	1.008886	Cấp Giấy phép thành lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	Trọng tài thương mại	
118	1.008887	Chấm dứt hoạt động Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài bị chấm dứt hoạt động theo quyết định của Tổ chức trọng tài nước ngoài hoặc Tổ chức trọng tài nước ngoài thành lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện tại Việt Nam đã chấm dứt hoạt động ở nước ngoài	Trọng tài thương mại	
119	1.008889	Đăng ký hoạt động Trung tâm trọng tài khi thay đổi địa điểm đặt trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác	Trọng tài thương mại	

120	1.008904	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài; thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	Trọng tài thương mại	
121	1.008888	Cấp lại Giấy phép thành lập của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	Trọng tài thương mại	
122	2.000819	Thay đổi nội dung Giấy phép thành lập của Trung tâm Trọng tài	Trọng tài thương mại	
123	1.001248	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh Trung tâm trọng tài, Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	Trọng tài thương mại	
124	1.001609	Thay đổi nội dung Giấy phép thành lập của Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	Trọng tài thương mại	
125	1.008905	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài khi thay đổi Trưởng Chi nhánh, địa điểm đặt trụ sở của Chi nhánh trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Trọng tài thương mại	

XVI. LĨNH VỰC TRỢ GIÚP PHÁP LÝ

126	2.000587	Thủ tục cấp thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý	Trợ giúp pháp lý	
127	2.000954	Thủ tục cấp lại Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	Trợ giúp pháp lý	
128	2.000596	Thủ tục đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	Trợ giúp pháp lý	

129	2.000829	Thủ tục yêu cầu trợ giúp pháp lý	Trợ giúp pháp lý	
130	2.001687	Thủ tục thay đổi người thực hiện trợ giúp pháp lý	Trợ giúp pháp lý	
131	2.001680	Thủ tục rút yêu cầu trợ giúp pháp lý của người được trợ giúp pháp lý	Trợ giúp pháp lý	
132	2.000518	Thủ tục cấp lại thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý	Trợ giúp pháp lý	
133	2.000592	Thủ tục giải quyết khiếu nại về trợ giúp pháp lý	Trợ giúp pháp lý	
134	2.000840	Thủ tục chấm dứt tham gia trợ giúp pháp lý	Trợ giúp pháp lý	
135	1.001233	Thủ tục thay đổi nội dung Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	Trợ giúp pháp lý	
136	2.000977	Thủ tục lựa chọn, ký hợp đồng với Luật sư	Trợ giúp pháp lý	
137	2.000970	Thủ tục lựa chọn, ký hợp đồng với tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật	Trợ giúp pháp lý	